

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX
CÔNG TY CỔ PHẦN NEDI2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 296 /2021/CV-TCHC

V/v: Công bố BCTC giữa niên độ đã soát xét cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 và giải trình lợi nhuận sau thuế kết thúc ngày 30/6/2021 so với kết thúc ngày 30/6/2020

Lào Cai, ngày 3 tháng 8 năm 2021

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
2. Mã chứng khoán: ND2
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 64B đường Phan Đình Phùng, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.
4. Điện thoại: 0214 3 501 540 Fax: 0214 3 903 661
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Ứng Hồng Vận Tổng Giám đốc Công ty người đại diện theo Pháp Luật.
6. Nội dung công bố thông tin:
 - 6.1. Công bố thông tin Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 bao gồm : BCTKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC kèm theo.
 - 6.2. Công bố thông tin về văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế kết thúc ngày 30/06/2021 so với lợi nhuận sau thuế kết thúc ngày 30/06/2020 kèm theo.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 của Công ty và văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế kết thúc ngày 30/6/2021 so với lợi nhuận sau thuế kết thúc ngày 30/6/2020 tại đường dẫn <http://nedi2.com.vn> của Công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCHC, thư ký.

Người đại diện theo Pháp luật



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ứng Hồng Vận

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 33

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 12121000084 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu vào ngày 10 tháng 4 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 3 được cấp ngày 25 tháng 4 năm 2015. Công ty cũng nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5300215527 cấp ngày 6 tháng 5 năm 2004 với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 vào ngày 14 tháng 5 năm 2020 và Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 23 tháng 12 năm 2020. Tại ngày 22 tháng 07 năm 2010, Công ty đã hoàn tất việc đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là ND2.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là đầu tư xây dựng vận hành các dự án thủy điện, sản xuất điện, mua bán vật liệu xây dựng, tư vấn thiết kế và nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, điện, bưu chính viễn thông và các hoạt động khác.

Công ty có trụ sở chính và nhà máy tại số 64B, đường Phan Đình Phùng, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai và văn phòng đại diện tại tầng 9, tòa nhà Vinaconex, số 34, đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Dương Văn Mậu	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2021
Ông Nguyễn Xuân Đông	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2021
Ông Nguyễn Hữu Tới	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2021
Ông Vũ Huy Thịnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2021
Ông Vũ Mạnh Hùng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2021
Ông Katsuhito Miyajima	Thành viên	
Ông Yusuke Takahashi	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Văn Mạnh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên
Ông Kenichi Suzuki	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Ứng Hồng Vận	Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Vương Cường	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2021
Ông Ngô Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hải Đăng	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 5 tháng 3 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và ngày lập báo cáo này là Ông Ứng Hồng Vận, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 ("Công ty") trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA CÔNG TY

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc: 

Ung Hồng Văn
Tổng Giám đốc

Lào Cai, Việt Nam

Ngày 2 tháng 8 năm 2021

Số tham chiếu: 61607539/22574293-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 ("Công ty") được lập ngày 2 tháng 8 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 33, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Thị Tuyết Mai
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1575-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 2 tháng 8 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		113.841.717.464	129.720.047.450
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	30.953.947.225	72.784.545.078
111	1. Tiền		10.672.865.425	18.711.958.296
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.281.081.800	54.072.586.782
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		51.375.517.085	25.513.751.028
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	40.658.104.093	17.240.767.677
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	1.019.167.454	565.913.944
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	10.344.261.262	8.353.085.131
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(646.015.724)	(646.015.724)
140	III. Hàng tồn kho		30.636.542.908	30.266.524.732
141	1. Hàng tồn kho	7	30.636.542.908	30.266.524.732
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		875.710.246	1.155.226.612
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	875.710.246	103.893.118
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	-	1.051.333.494
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.677.026.543.346	1.724.840.300.026
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	19.501.441.268
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	-	19.501.441.268
220	II. Tài sản cố định		1.634.862.250.656	1.680.443.923.415
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.634.862.250.656	1.680.443.923.415
222	Nguyên giá		2.134.395.564.445	2.134.395.564.445
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(499.533.313.789)	(453.951.641.030)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	583.838.534
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	583.838.534
260	IV. Tài sản dài hạn khác		42.164.292.690	24.311.096.809
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	42.164.292.690	24.311.096.809
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.790.868.260.810	1.854.560.347.476

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.162.688.933.201	1.139.804.959.895
310	I. Nợ ngắn hạn		246.536.960.828	126.389.238.112
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	2.307.247.559	4.913.190.714
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	7.998.609.659	3.177.065.611
314	3. Phải trả người lao động		1.313.939.296	7.370.556.684
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	12	871.289.060	1.299.139.092
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	13	105.521.907.271	6.348.605.500
320	6. Vay ngắn hạn	14	128.000.000.000	103.211.212.528
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		523.967.983	69.467.983
330	II. Nợ dài hạn		916.151.972.373	1.013.415.721.783
338	1. Vay dài hạn	14	916.151.972.373	1.013.415.721.783
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		628.179.327.609	714.755.387.581
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	628.179.327.609	714.755.387.581
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		499.939.607.633	499.939.607.633
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		499.939.607.633	499.939.607.633
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		14.388.399.680	14.388.399.680
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		113.851.320.296	200.427.380.268
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		94.463.008.655	67.398.770.524
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		19.388.311.641	133.028.609.744
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.790.868.260.810	1.854.560.347.476

Nguyễn Thị Hiếu
Người lập

Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Ứng Hồng Vận
Tổng Giám Đốc

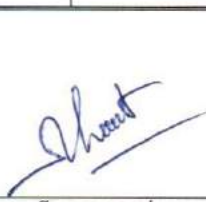
Lào Cai, Việt Nam

Ngày 2 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.1	136.478.579.443	129.601.772.318
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	16.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.1	136.478.579.443	129.601.772.318
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	17	(62.927.370.601)	(60.353.670.640)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		73.551.208.842	69.248.101.678
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16.2	569.995.303	684.966.429
22	7. Chi phí tài chính	18	(45.834.882.343)	(52.886.695.830)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(45.798.739.439)	(52.824.710.425)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(7.298.775.059)	(9.600.481.564)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		20.987.546.743	7.445.890.713
31	10. Thu nhập khác		66.327.517	33.879.778
32	11. Chi phí khác		(28.401.154)	(383.753.784)
40	12. Lỗ khác		37.926.363	(349.874.006)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		21.025.473.106	7.096.016.707
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.1	(1.637.161.465)	(45.166.704)
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		19.388.311.641	7.050.850.003
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	388	137
71	17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	23	388	137


Nguyễn Thị Hiếu
Người lập


Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng


Ứng Hồng Vận
Tổng Giám Đốc



Lào Cai, Việt Nam

Ngày 2 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		21.025.473.106	7.096.016.707
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình	9	45.581.672.759	43.036.549.524
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	16.2	(569.995.303)	(684.966.429)
06	Chi phí lãi vay	18	45.798.739.439	52.824.710.425
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		111.835.890.001	102.272.310.227
09	Tăng các khoản phải thu		(25.611.682.057)	(30.788.094.404)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(370.018.176)	1.998.334.391
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(2.658.524.803)	9.996.370.155
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		1.460.266.793	(1.682.881.644)
14	Tiền lãi vay đã trả		(46.226.589.471)	(52.710.048.558)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	11	-	(68.150.666)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.286.951.502)	(3.432.982.903)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		32.142.390.785	25.584.856.598
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(1.932.587.153)	(64.236.660.850)
27	Tiền thu lãi tiền gửi		569.995.303	684.966.429
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào từ hoạt động đầu tư		(1.362.591.850)	(63.551.694.421)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		11.679.263.231	58.301.844.689
34	Tiền trả nợ gốc vay		(84.154.225.169)	(70.581.763.876)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(135.434.850)	(13.217.626.160)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(72.610.396.788)	(25.497.545.347)

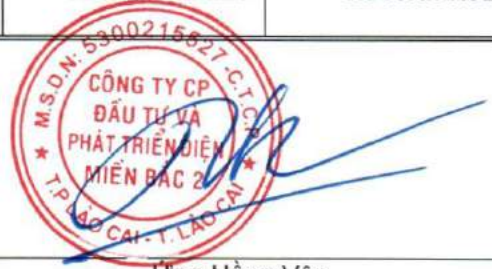
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(41.830.597.853)	(63.464.383.170)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		72.784.545.078	69.405.240.095
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	30.953.947.225	5.940.856.925


Nguyễn Thị Hiếu
Người lập


Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng


Ứng Hồng Vận
Tổng Giám Đốc



Lào Cai, Việt Nam

Ngày 2 tháng 8 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 12121000084 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu vào ngày 10 tháng 4 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 3 được cấp ngày 25 tháng 4 năm 2015. Công ty cũng nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5300215527 ngày 6 tháng 5 năm 2004 với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 vào ngày 14 tháng 5 năm 2020 và Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 23 tháng 12 năm 2020. Tại ngày 22 tháng 07 năm 2010, Công ty đã hoàn tất việc đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là ND2.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là đầu tư xây dựng vận hành các dự án thủy điện; sản xuất điện; mua bán vật liệu xây dựng; tư vấn thiết kế và nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, điện, bưu chính viễn thông và các hoạt động khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 64B, đường Phan Đình Phùng, Phường Lào Cai, Thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai và văn phòng đại diện tại tầng 9, tòa nhà Vinaconex, số 34, đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 87 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 84).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VND).

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50 năm
Máy móc thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 200 để hạch toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch ("tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình"). Tỷ giá xấp xỉ này có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá chuyển khoản này là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên đối chiếu và xác nhận sản lượng đầu ra hàng tháng giữa bên mua và bên bán, với giá được quy định trong hợp đồng mua bán điện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện với doanh thu trong năm chiếm trên 99% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Tiền mặt	238.917.016	587.964.325
Tiền gửi ngân hàng	10.433.948.409	18.123.993.971
Các khoản tương đương tiền (*)	20.281.081.800	54.072.586.782
TỔNG CỘNG	30.953.947.225	72.784.545.078

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 1 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất 2,8%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2020: từ 2,9% đến 3,5%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	40.658.104.093	17.240.767.677
TỔNG CỘNG	40.658.104.093	17.240.767.677

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Công ty TNHH Hệ Thống Cơ Điện MD	319.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	250.084.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Việt Hưng	212.158.655	212.158.655
Công ty TNHH Kỹ thuật và Thiết bị TB Hydro Việt Nam	-	185.497.400
Các đối tượng khác	237.924.799	168.257.889
TỔNG CỘNG	1.019.167.454	565.913.944

6. PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	8.664.776.474	-	6.862.934.956	-
Tạm ứng cho nhân viên	523.711.000	-	573.711.000	-
Phải thu khác	509.758.064	-	270.423.451	-
Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 22)	646.015.724	(646.015.724)	646.015.724	(646.015.724)
TỔNG CỘNG	10.344.261.262	(646.015.724)	8.353.085.131	(646.015.724)
Dài hạn				
Phải thu khác	-	-	19.501.441.268	-
TỔNG CỘNG	-	-	19.501.441.268	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.166.153.600	-	1.224.773.131	-
Công cụ, dụng cụ	29.470.389.308	-	29.041.751.601	-
TỔNG CỘNG	30.636.542.908	-	30.266.524.732	-

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngắn hạn		
Bảo hiểm rủi ro tài sản	669.784.867	83.476.451
Các khoản trả trước khác	205.925.379	20.416.667
TỔNG CỘNG	875.710.246	103.893.118
Dài hạn		
Cục thuế Lào Cai (*)	19.501.441.268	-
Chi phí thuê văn phòng (**)	10.173.509.499	10.333.302.841
Chi phí cải tạo lòng sông	5.226.903.343	6.272.284.011
Chi phí đại tu máy móc thiết bị	5.265.892.789	5.816.658.153
Các khoản trả trước khác	1.996.545.791	1.888.851.804
TỔNG CỘNG	42.164.292.690	24.311.096.809

(*) Chi phí trả trước dài hạn là khoản tiền Công ty đã chi bồi thường, hỗ trợ tái định cư trong quá trình xây dựng thủy điện Ngòi Phát (các xã Bản Vược, Bản Xèo và Dền Thành, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai) với số tiền 18.060.670.918 VND và sẽ được bù trừ với tiền thuê đất tại địa điểm trên kể từ ngày 1 tháng 8 năm 2013 theo Công văn số 3324/CT-KTT1 ngày 3 tháng 10 năm 2016 của Cục thuế tỉnh Lào Cai. Công ty được miễn tiền thuê đất đến hết tháng 7 năm 2023 theo Quyết định số 24749/QĐ-CT ngày 6 tháng 11 năm 2014 của Cục thuế tỉnh Lào Cai. Trong năm, Công ty phát sinh thêm chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư trong quá trình xây dựng dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng (xã Bản Vược, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai) với số tiền 1.440.770.350 VND. Chi phí này sẽ được bù trừ với tiền thuê đất tại địa điểm trên kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2035 do Công ty được miễn tiền thuê đất trên diện tích này đến hết tháng 1 năm 2035 theo Quyết định số 010167817/QĐ-CT ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Cục thuế tỉnh Lào Cai.

(**) Chi phí thuê văn phòng phản ánh các khoản phải trả trước tiền thuê 211,77 m² của tầng 9, toà nhà Vinaconex, số 34, đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê văn phòng số 114A/2016/HĐKT-BĐT ngày 24 tháng 3 năm 2016 giữa Công ty và và Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam với thời hạn 37 năm tính từ ngày 1 tháng 5 năm 2016. Như trình bày tại Thuyết minh số 14, quyền chuyển nhượng, quyền yêu cầu thanh toán và các quyền khác phát sinh từ hợp đồng cho thuê văn phòng này được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	1.440.211.911.241	645.605.326.558	48.475.775.688	102.550.958	2.134.395.564.445
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	1.440.211.911.241	645.605.326.558	48.475.775.688	102.550.958	2.134.395.564.445
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	3.448.420.467	624.111.933	1.018.955.818	102.550.959	5.194.039.177
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	269.797.895.885	177.764.554.719	6.286.639.468	102.550.958	453.951.641.030
- Khấu hao trong kỳ	26.861.033.918	18.340.552.502	380.086.339	-	45.581.672.759
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	296.658.929.803	196.105.107.221	6.666.725.807	102.550.958	499.533.313.789
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	1.170.414.015.356	467.840.771.839	42.189.136.220	-	1.680.443.923.415
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	1.143.552.981.438	449.500.219.337	41.809.049.881	-	1.634.862.250.656

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty đã sử dụng toàn bộ tài sản cố định hữu hình làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 14.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Andritz Hydro Private	2.069.293.747	2.069.293.747	2.069.293.747	2.069.293.747
Các đối tượng khác	237.953.812	237.953.812	2.843.896.967	2.843.896.967
TỔNG CỘNG	2.307.247.559	2.307.247.559	4.913.190.714	4.913.190.714

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
Phải trả				
Thuế tài nguyên	1.799.144.514	13.800.815.791	(11.477.643.008)	4.122.317.297
Thuế giá trị gia tăng	1.377.921.097	13.282.345.617	(12.515.899.408)	2.144.367.306
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.637.161.465	(1.051.333.494)	585.827.971
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.690.157.668	(1.635.393.583)	54.764.085
Thuế khác	-	2.182.666.000	(1.091.333.000)	1.091.333.000
TỔNG CỘNG	3.177.065.611	32.593.146.541	(27.771.602.493)	7.998.609.659
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Số phải thu trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.051.333.494	-	(1.051.333.494)	-
TỔNG CỘNG	1.051.333.494	-	(1.051.333.494)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Lãi vay phải trả	871.289.060	1.299.139.092
TỔNG CỘNG	871.289.060	1.299.139.092

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Cổ tức phải trả	101.476.595.428	1.624.110.278
Phải trả quỹ phát triển rừng	3.451.126.176	4.011.274.692
Kinh phí công đoàn	107.305.402	34.572.524
Phải trả khác	478.973.584	671.190.545
Phải trả cho các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 22</i>)	7.906.681	7.457.461
TỔNG CỘNG	105.521.907.271	6.348.605.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020		Số phát sinh trong năm		Ngày 30 tháng 6 năm 2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng	8.479.504.528	8.479.504.528	11.679.263.231	(20.158.767.759)	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 14.1)	94.731.708.000	94.731.708.000	97.263.749.410	(63.995.457.410)	128.000.000.000	128.000.000.000
	103.211.212.528	103.211.212.528	108.943.012.641	(84.154.225.169)	128.000.000.000	128.000.000.000
Vay dài hạn						
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 14.1)	1.013.415.721.783	1.013.415.721.783	-	(97.263.749.410)	916.151.972.373	916.151.972.373
	1.013.415.721.783	1.013.415.721.783	-	(97.263.749.410)	916.151.972.373	916.151.972.373
TỔNG CỘNG	1.116.626.934.311	1.116.626.934.311	108.943.012.641	(181.417.974.579)	1.044.151.972.373	1.044.151.972.373

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. VAY (tiếp theo)

14.1 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021 (VND)</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	935.751.972.373	Lãi suất tham chiếu được quy định trong hợp đồng cộng biên độ 2,8%. Lãi suất áp dụng trong năm là 8,38-8,4%/năm	Khoản vay được ân hạn trong vòng 36 tháng. Gốc vay được thanh toán hàng quý trong vòng 36 quý. Lần trả nợ gốc đầu tiên vào tháng thứ 39 kể từ ngày rút vốn lần đầu tiên. Lãi vay được thanh toán hàng quý.	Toàn bộ dự án công trình thủy điện Ngòi Phát, bao gồm quyền sử dụng đất, máy móc, nhà cửa, công trình xây dựng, các động sản và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền tại dự án hay trên khu đất.
<i>Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>120.000.000.000</i>			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	108.400.000.000	Lãi suất cơ sở cộng với biên độ. Biên độ là 2,7% cho năm đầu tiên kể từ ngày giải ngân đầu tiên và được điều chỉnh mỗi 6 tháng. Lãi suất áp dụng trong năm là 8,35-8,6%/năm	Khoản vay được ân hạn trong vòng 28 tháng. Gốc vay được thanh toán trong 156 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi vay được thanh toán hàng tháng.	Toàn bộ dự án công trình thủy điện Ngòi Phát và Ngòi Phát mở rộng, bao gồm quyền sử dụng đất, thiết bị, nhà cửa, công trình xây dựng, các động sản và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền tại dự án hay trên khu đất.
<i>Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>8.000.000.000</i>			
TỔNG CỘNG	1.044.151.972.373			
<i>Trong đó:</i>				
- Vay dài hạn đến hạn trả	128.000.000.000			
- Vay dài hạn	916.151.972.373			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Đơn vị tính: VND				
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	499.939.607.633	14.388.399.680	173.452.191.909	687.780.199.222
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	7.050.850.003	7.050.850.003
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
- Cổ tức công bố	-	-	(99.987.920.000)	(99.987.920.000)
- Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành	-	-	(2.896.451.612)	(2.896.451.612)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>499.939.607.633</u>	<u>14.388.399.680</u>	<u>76.618.670.300</u>	<u>590.946.677.613</u>
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	499.939.607.633	14.388.399.680	200.427.380.268	714.755.387.581
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	19.388.311.641	19.388.311.641
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành (*)	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
- Cổ tức công bố (*)	-	-	(99.987.920.000)	(99.987.920.000)
- Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành (*)	-	-	(2.976.451.613)	(2.976.451.613)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>499.939.607.633</u>	<u>14.388.399.680</u>	<u>113.851.320.296</u>	<u>628.179.327.609</u>

(*) Theo Nghị quyết số 04/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua việc chia cổ tức và trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối như sau:

- chia cổ tức bằng tiền cho năm 2020 với số tiền 99.987.920.000 VND;
- trích quỹ khen thưởng phúc lợi là 1.000.000.000 VND;
- trích quỹ khen thưởng cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành 2.000.000.000 VND; và
- chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành với số tiền là 2.976.451.613 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.2 Vốn cổ phần đã phát hành

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021			Ngày 31 tháng 12 năm 2020		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Tổng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (*)	25.546.575	25.546.575	-	36.613.500	36.613.500	-
Toyota Tsusho Corporation (*)	17.497.886	17.497.886	-	-	-	-
Các cổ đông khác	6.949.499	6.949.499	-	13.380.460	13.380.460	-
TỔNG CỘNG	49.993.960	49.993.960	-	49.993.960	49.993.960	-

(*) Vào ngày 11 tháng 11 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐBT về việc phê duyệt việc Nhà đầu tư nước ngoài nhận chuyển nhượng trên 25% cổ phần có quyền biểu quyết đang lưu hành của Công ty mà không phải thông qua hình thức chào mua công khai. Theo đó, tại ngày 7 tháng 1 năm 2021, Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam đã hoàn tất việc chuyển nhượng 17.497.886 cổ phần cho Công ty Toyota Tsusho Corporation và Công ty đã nhận được Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 23 tháng 12 năm 2020.

Theo Nghị quyết số 04/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua Tờ trình số 93/2021/TTr-HĐQT về việc phê duyệt nhận chuyển nhượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của NEDI2 không phải thông qua hình thức chào mua công khai theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35 Luật Chứng khoán. Vào ngày 21 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam đăng ký mua 6.430.691 cổ phần. Theo đó, tại ngày 23 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam đã hoàn tất việc mua lại 6.430.961 cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.3 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Cổ tức đã công bố và đã trả trong kỳ	135.434.850	13.217.626.160
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức cho năm 2020: VND 2.000/cổ phiếu	-	-
Cổ tức cho năm 2015-2019: VND 1.000- 2.000/cổ phiếu	135.434.850	13.217.626.160
Cổ tức đã công bố và chưa trả trong kỳ	99.987.920.000	88.171.725.228
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức cho năm 2020: VND 2.000/cổ phiếu	99.987.920.000	-
Cổ tức cho năm 2015-2019: VND 1.000- 2.000/cổ phiếu	-	88.171.725.228

15.4 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Cổ phiếu đăng ký phát hành	50.000.000	50.000.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	49.993.960	49.993.960
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	49.993.960	49.993.960
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	49.993.960	49.993.960
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	49.993.960	49.993.960
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VND 10.000 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: VND 10.000).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. DOANH THU

16.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Tổng doanh thu	136.478.579.443	129.601.772.318
Trong đó:		
Doanh thu bán điện	136.308.579.444	129.563.590.500
Doanh thu cung cấp dịch vụ	169.999.999	38.181.818
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	136.478.579.443	129.601.772.318
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	136.308.579.444	129.563.590.500
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 22)	169.999.999	38.181.818

16.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Lãi tiền gửi	569.995.303	684.966.429
TỔNG CỘNG	569.995.303	684.966.429

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	62.927.370.601	60.353.670.640
TỔNG CỘNG	62.927.370.601	60.353.670.640

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Chi phí lãi vay	45.798.739.439	52.824.710.425
Chi phí tài chính khác	36.142.904	61.985.405
TỔNG CỘNG	45.834.882.343	52.886.695.830

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Chi phí lương và phụ cấp lương	4.458.983.152	6.692.402.921
Chi phí khấu hao	338.252.856	338.252.854
Chi phí dịch vụ mua ngoài	379.111.240	303.089.003
Chi phí khác	2.122.427.811	2.266.736.786
TỔNG CỘNG	7.298.775.059	9.600.481.564

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	679.962.888	882.188.953
Chi phí lương và phụ cấp lương	11.096.865.227	13.789.842.043
Chi phí khấu hao	45.581.672.759	43.010.930.838
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.190.524.847	5.180.942.452
Chi phí khác	6.677.119.939	7.090.247.918
TỔNG CỘNG	70.226.145.660	69.954.152.204

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất hiện hành là 20%.

Đối với dự án ban đầu:

Theo Thông tư 78/2014/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2014, Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo. Mức thuế ưu đãi 10% được áp dụng trong thời gian 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu bước vào giai đoạn kinh doanh (từ năm 2014 đến năm 2028). Theo đó, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho kỳ hiện tại là 5%.

Đối với dự án đầu tư mở rộng:

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (năm 2020) và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong 9 năm tiếp theo. Mức thuế ưu đãi 10% được áp dụng trong thời gian 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu bước vào giai đoạn kinh doanh. Theo đó, thu nhập từ dự án đầu tư mở rộng được miễn thuế TNDN cho kỳ hiện tại.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

21.1 Chi phí thuế TNDN

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.637.161.465	45.166.704
TỔNG CỘNG	1.637.161.465	45.166.704

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.025.473.106	7.096.016.707
Thuế TNDN áp dụng cho Công ty	1.051.273.655	25.979.015
Các khoản điều chỉnh tăng:		
Chi phí không được khấu trừ	1.420.058	1.280.934
Chi phí lãi vay vượt quá mức quy định	584.467.752	-
Các khoản phạt	-	17.906.755
Chi phí thuế TNDN	1.637.161.465	45.166.704

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

21.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam ("Tổng Công ty Vinaconex")	Công ty mẹ	Phí thương hiệu Cổ tức phải trả Chi phí xây dựng nhà máy Ngòi Phát mở rộng Phí cung cấp dịch vụ Chi phí thuê văn phòng, điện nước	150.000.000 - - 10.600.000 212.544.437	1.075.052.611 73.227.000.000 25.478.068.419 - 375.865.733
Công ty Cổ phần BOO Nước sạch Sa Pa	Công ty cùng Tập đoàn	Cho thuê văn phòng	25.454.545	38.181.818
Công ty Cổ phần Bách Thiên Lộc	Công ty cùng Tập đoàn	Cho thuê xe ô tô	144.545.454	-

Các nghiệp vụ mua/bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2021 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty trích lập một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền 646.015.724 VND liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 646.015.724 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 6)				
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	Công ty cùng Tập đoàn	Cho vay ngắn hạn	646.015.724	646.015.724
TỔNG CỘNG			646.015.724	646.015.724
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 13)				
Tổng Công ty Vinaconex	Công ty mẹ	Phải trả khác	7.906.681	7.457.461
TỔNG CỘNG			7.906.681	7.457.461

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Dương Văn Mậu	Chủ tịch HĐQT	329.968.484	285.000.000
Ông Nguyễn Xuân Đông	Chủ tịch HĐQT	421.844.380	420.000.000
Ông Nguyễn Hữu Tới	Thành viên HĐQT	190.291.065	285.000.000
Ông Bùi Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	192.539.647	278.413.978
Ông Nguyễn Tiến Hải	Thành viên HĐQT	96.778.472	230.241.935
Ông Katsuhito Miyajima	Thành viên HĐQT	127.025.612	-
Ông Yusuke Takahashi	Thành viên HĐQT	127.025.612	-
Ông Vũ Mạnh Hùng	UV HĐQT	17.500.000	-
Ông Vũ Đức Thịnh	UV HĐQT	24.274.194	-
Ông Vũ Tuấn Hùng	Thành viên HĐQT	6.774.194	-
Ông Vũ Văn Mạnh	Trưởng Ban KS	319.565.259	285.000.000
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên BKS	176.956.540	105.000.000
Ông Kenichi Suzuki	Thành viên BKS	54.439.548	-
Ông Chu Quang Minh	Thành viên BKS	82.516.992	132.177.419
Ông Ứng Hồng Vận	Tổng giám đốc	693.760.501	645.962.936
Ông Đỗ Vương Cường	Phó Tổng giám đốc	246.583.917	-
Ông Nguyễn Hải Đăng	Phó Tổng giám đốc	209.454.217	483.562.789
Ông Ngô Mạnh Cường	Phó Tổng giám đốc	480.123.154	571.589.534
TỔNG CỘNG		3.797.421.788	3.721.948.591

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	19.388.311.641	7.050.850.003
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(206.521.709)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.388.311.641	6.844.328.294
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	49.993.960	49.993.960
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	49.993.960	49.993.960
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	388	137
- Lãi suy giảm	388	137

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính giữa niên độ.

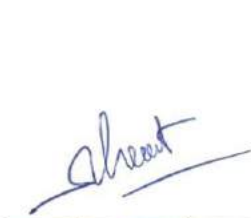
(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được điều chỉnh giảm so với lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu đã được thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020. Số điều chỉnh giảm tương ứng với khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận của năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 04/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021 và được phân bổ theo tỷ lệ lợi nhuận 6 tháng đầu năm so với lợi nhuận năm 2020.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 chưa được điều chỉnh phần trích quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.



Nguyễn Thị Hiếu
Người lập



Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Ứng Hồng Vận
Tổng Giám Đốc

Lào Cai, Việt Nam

Ngày 2 tháng 8 năm 2021

Số: 295 /2021/CV-TCKH

V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận
sau thuế 6 tháng đầu năm 2021 so với 6 tháng
đầu năm 2020

Hà Nội, ngày 3 tháng 8 năm 2021

GIẢI TRÌNH CHÉNH LỆCH LỢI NHUẬN SAU THUẾ

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2, mã chứng khoán ND2 trân trọng gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước và Quý Sở lời chào trân trọng nhất.

Căn cứ thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021 kết thúc ngày 30/06/2021 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2, trong đó lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2021 so với lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2020 có sự thay đổi từ 10% trở lên, Công ty chúng tôi xin giải trình như sau:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2021 là: 19.388.311.641 đồng; 6 tháng đầu năm 2020 là: 7.050.850.003 đồng, Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2021 tăng so với lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2020 là: **12.337.461.638 đồng**.

Nguyên nhân tăng do:

1. Nhìn chung Thủy văn 6 tháng đầu năm 2021 tốt hơn so với cùng kỳ năm 2020. Doanh thu 6 tháng đầu năm 2021 là 136.478.579.443 đồng, 6 tháng đầu năm 2020 là: 129.601.772.318 đồng. Doanh thu 6 tháng đầu năm 2021 tăng so với doanh thu 6 đầu năm 2020 là: 6.876.807.125 đồng.

2. Chi phí tài chính giảm tương ứng với gốc vay giảm so với cùng kỳ 2020 là: 7.025.970.986 đồng

Với 2 nguyên nhân chủ yếu trên đã làm cho lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2021 tăng so với 6 tháng đầu năm 2020.

Trên đây là nội dung giải trình về kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021 tăng so với kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCHC, TCKH.

Người đại diện theo Pháp luật



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ung Hồng Vân